Bài 1

**Hệ thống Học Trực tuyến (E-Learning System)**.

**Phân loại Stakeholders - Hệ thống Học Trực tuyến**

|  |  |
| --- | --- |
| Vai trò | Stakeholder cụ thể |
| 1. Người dùng cuối | Học viên, Giảng viên |
| 2. Nhà tài trợ | Ban Giám đốc/Quản lý Cơ sở Đào tạo, Bộ phận Tài chính |
| 3. Chuyên gia nghiệp vụ | Chuyên viên Đào tạo/Nội dung, Chuyên gia Sư phạm |
| 4. Bộ phận Kỹ thuật | Đội ngũ Phát triển Phần mềm (Dev), Quản trị Hệ thống (Admin) |
| 5. Bên thứ ba | Nhà cung cấp Hệ thống Quản lý Học tập (LMS Vendor), Đơn vị cấp chứng chỉ (ví dụ: Adobe Connect, Moodle/Canvas) |

Bài 2

Ứng dụng Ngân hàng Di động

Yêu cầu Chức năng (Functional Requirements)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Yêu cầu Chức năng | Mô tả chi tiết |
| F1 | Chuyển khoản nội bộ và liên ngân hàng | Cho phép người dùng thực hiện giao dịch chuyển tiền giữa các tài khoản cùng ngân hàng hoặc sang các ngân hàng khác qua số tài khoản/số thẻ. |
| F2 | Xem lịch sử và sao kê giao dịch | Cho phép người dùng truy cập, lọc và xem chi tiết tất cả các giao dịch đã thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định. |
| F3 | Thanh toán hóa đơn dịch vụ | Cho phép người dùng thanh toán các loại hóa đơn (điện, nước, Internet, truyền hình...) thông qua mã khách hàng hoặc mã QR. |

Yêu cầu Phi Chức năng (Non-Functional Requirements)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Yêu cầu Phi Chức năng | Mô tả chi tiết |
| NFR1 | Bảo mật (Security) | Hệ thống phải sử dụng mã hóa đầu cuối (end-to-end encryption) và yêu cầu xác thực đa yếu tố (MFA) cho mọi giao dịch chuyển khoản trên 5 triệu VNĐ. |
| NFR2 | Hiệu năng (Performance) | Thời gian phản hồi cho các giao dịch kiểm tra số dư và chuyển khoản dưới 2 triệu VNĐ không được vượt quá 3 giây trong điều kiện tải bình thường. |
| NFR3 | Khả năng sử dụng (Usability) | Giao diện phải tuân thủ các tiêu chuẩn thiết kế di động (iOS/Android), với quy trình chuyển khoản tối đa 4 bước kể từ màn hình đăng nhập. |

Bài 3

**Môi trường Hệ thống của Shopee**

|  |  |
| --- | --- |
| Yếu tố Môi trường | Mô tả cụ thể trong ngữ cảnh Shopee |
| 1. Người dùng (Users) | Khách hàng (mua sắm), Người bán/Nhà cung cấp (quản lý cửa hàng, đăng sản phẩm), Nhân viên Shopee (hỗ trợ, vận hành, kiểm duyệt). |
| 2. Phần cứng (Hardware) | Thiết bị di động/Máy tính cá nhân (của người dùng), Máy chủ (Servers), Hệ thống lưu trữ dữ liệu (Storage Systems), Cơ sở hạ tầng mạng (Networking infrastructure) của Shopee. |
| 3. Phần mềm (Software) | Ứng dụng di động Shopee (iOS/Android), Website Shopee, Hệ thống Quản lý Người bán (Seller Center), Hệ điều hành (Operating Systems), Cơ sở dữ liệu (Database Management System). |
| 4. Hệ thống bên ngoài (External Systems) | Các Ngân hàng/Cổng Thanh toán (Ví dụ: ShopeePay, Visa/Mastercard), Các Đơn vị Vận chuyển/Logistics (Ví dụ: Giao hàng Tiết kiệm, VNPost), Hệ thống Quảng cáo/Marketing (Ví dụ: Google Ads, Facebook Ads). |
| 5. Quy trình nghiệp vụ (Business Processes) | Quy trình Đặt hàng & Xác nhận, Quy trình Thanh toán & Hoàn tiền, Quy trình Vận chuyển & Giao nhận, Quy trình Đánh giá & Phản hồi, Quy trình Giải quyết tranh chấp. |
| 6. Luật lệ (Laws and Regulations) | Luật An toàn Thông tin, Luật Giao dịch Điện tử, Luật Thuế (liên quan đến các giao dịch mua bán), Quy định Bảo vệ Người tiêu dùng, Chính sách Chống hàng giả/Hàng nhái. |

Bài 4

**Hệ thống Học Trực tuyến**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục** | **Tên mục** | **Vai trò tóm tắt** |
| **1.** | **Giới thiệu** | **Thiết lập mục đích, phạm vi hệ thống, và các thuật ngữ cơ bản.** |
| **2.** | **Mô tả chung** | **Mô tả tổng quan về hệ thống, các bên liên quan (người dùng), và các ràng buộc bên ngoài.** |
| **3.** | **Yêu cầu cụ thể** | **Chi tiết hóa tất cả các yêu cầu.** |
| **3.1** | **Yêu cầu Chức năng** | **Liệt kê các chức năng hệ thống phải thực hiện (ví dụ: đăng ký khóa học, làm bài kiểm tra).** |
| **3.2** | **Yêu cầu Phi Chức năng** | **Liệt kê các tiêu chí chất lượng (ví dụ: bảo mật, hiệu năng, khả năng sử dụng).** |
| **3.3** | **Yêu cầu Giao diện** | **Mô tả cách hệ thống tương tác với người dùng và hệ thống bên ngoài.** |
| **4.** | **Phụ lục** | **Chứa các thông tin hỗ trợ và tham khảo khác.** |

**Bài 5**

**So sánh giữa 4 kĩ thuật**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Phỏng vấn (Interviewing)** | **Khảo sát/Bảng hỏi (Surveys/Questionnaires)** | **Quan sát (Observation)** | **Phân tích Tài liệu (Document Analysis)** |
| **Ưu điểm** | **- Thu thập thông tin sâu, chi tiết. - Có thể thăm dò và làm rõ ngay lập tức. - Xây dựng mối quan hệ tốt với stakeholder.** | **- Tiếp cận số lượng lớn stakeholder nhanh chóng. - Tiết kiệm thời gian/chi phí hơn phỏng vấn. - Dễ dàng tổng hợp dữ liệu định lượng.** | **- Hiểu rõ cách công việc thực sự được thực hiện (hiện trạng). - Hạn chế sự sai lệch do người dùng nói khác với làm.** | **- Nắm bắt các yêu cầu nghiệp vụ và quy trình hiện có. - Tìm hiểu các luật lệ và tiêu chuẩn bắt buộc. - Giúp người phân tích làm quen nhanh với hệ thống cũ.** |
| **Hạn chế** | **- Tốn nhiều thời gian và nguồn lực. - Dễ bị ảnh hưởng bởi thiên kiến cá nhân của người được phỏng vấn. - Cần người phỏng vấn có kỹ năng cao.** | **- Thiếu chiều sâu và không thể thăm dò thêm thông tin. - Tỷ lệ phản hồi thấp (response rate) có thể là vấn đề. - Khó thiết kế câu hỏi hiệu quả (tránh mơ hồ/thiên vị).** | **- Người được quan sát có thể thay đổi hành vi (hiệu ứng Hawthorne). - Tốn thời gian để quan sát chu kỳ công việc dài hoặc ít xảy ra.** | **- Tài liệu có thể lỗi thời, không chính xác hoặc không đầy đủ. - Khó khăn khi quy trình thực tế khác với quy trình được viết.** |
| **Khi nào nên dùng** | **Khi cần hiểu sâu về động lực, nguyên nhân và nhu cầu phức tạp của một nhóm nhỏ stakeholder quan trọng.** | **Khi cần thu thập thông tin định lượng hoặc ý kiến cơ bản từ một nhóm lớn stakeholder phân tán về mặt địa lý.** | **Khi cần xác định quy trình làm việc thực tế của người dùng, đặc biệt khi họ khó diễn đạt bằng lời.** | **Khi muốn xây dựng nền tảng hiểu biết về hệ thống hiện tại và các quy định bắt buộc trước khi bắt đầu phỏng vấn.** |
| **Tình huống ví dụ** | **Phỏng vấn Thủ thư Trưởng để xác định chính sách quản lý bản quyền trong hệ thống thư viện số mới.** | **Gửi bảng hỏi cho 1000 khách hàng của ngân hàng để đo lường mức độ hài lòng với giao diện ứng dụng di động hiện tại.** | **Quan sát nhân viên kho hàng sử dụng máy quét mã vạch để hiểu rõ các bước và khó khăn trong quy trình nhập/xuất kho.** | **Phân tích Quy chế Kế toán của công ty để đảm bảo hệ thống phần mềm tài chính mới tuân thủ các quy tắc ghi sổ bắt buộc.** |

**Bài 6**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yếu tố Môi trường** | **Mô tả cụ thể** | **Tác động chính đến Yêu cầu Kỹ thuật** |
| **1. Người dùng** | **Bác sĩ, Y tá, Bệnh nhân.** | **UX/UI trực quan và Tốc độ phản hồi cực nhanh.** |
| **2. Phần cứng** | **Máy chủ, Máy tính, Thiết bị y tế.** | **Tích hợp API chuẩn (DICOM, HL7) và Tương thích đa thiết bị.** |
| **3. Phần mềm** | **LIS, HIS cũ, Hệ điều hành.** | **Khả năng Tương tác (Interoperability) qua giao thức chuẩn (HL7).** |
| **4. Hệ thống bên ngoài** | **Bảo hiểm Y tế, Cổng Thanh toán.** | **Tuân thủ định dạng dữ liệu và giao thức truyền tin bắt buộc.** |
| **5. Quy trình nghiệp vụ** | **Quy trình Khám chữa bệnh, Thu phí.** | **Mô hình hóa chính xác luồng công việc và Khả năng Tùy chỉnh theo khoa.** |
| **6. Luật lệ** | **Bảo mật Dữ liệu Y tế (HIPAA).** | **Bảo mật mạnh mẽ (mã hóa), Kiểm toán (Audit Log) và Kiểm soát quyền truy cập nghiêm ngặt.** |

**Bài 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stakeholder** | **Vai trò** | **Mối quan tâm** | **Mức độ Ưu tiên** |
| **1. Khách hàng/Người nhận** | **Người dùng cuối, trả tiền/nhận dịch vụ.** | **Thời gian giao hàng chính xác, Cước phí hợp lý, Theo dõi đơn hàng (tracking) chi tiết và kịp thời, an toàn hàng hóa.** | **Critical (Quan trọng nhất)** |
| **2. Tài xế/Người giao hàng** | **Người vận hành chính, tương tác trực tiếp với hệ thống và khách hàng.** | **Thu nhập rõ ràng/minh bạch, Tuyến đường tối ưu, Dễ dàng nhận/hủy đơn, hỗ trợ nhanh chóng khi có sự cố.** | **Critical (Nếu không có họ, hệ thống không hoạt động)** |
| **3. Nhà cung cấp (Shipper)/Đối tác bán hàng** | **Nguồn cung cấp đơn hàng cho hệ thống.** | **Tốc độ xử lý đơn hàng (từ lúc đặt đến lúc tài xế nhận), Báo cáo doanh thu chính xác, Tỷ lệ thất thoát/hỏng hóc thấp, công cụ quản lý đơn hàng hiệu quả.** | **Major (Ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu hệ thống)** |
| **4. Ban Lãnh đạo/Nhà đầu tư** | **Người tài trợ và định hướng chiến lược.** | **Lợi nhuận (ROI), Thị phần tăng trưởng, Hiệu quả hoạt động (tỷ lệ giao hàng thành công, chi phí vận hành), Dữ liệu phân tích thị trường.** | **Major (Định hướng phát triển và tài chính)** |
| **5. Cơ quan Quản lý Nhà nước** | **Cơ quan ban hành luật giao thông, thuế, và kinh doanh.** | **Tuân thủ pháp luật (thuế, an toàn giao thông), Bảo mật dữ liệu người dùng, đóng góp xã hội và tuân thủ các quy định về lao động.** | **Minor (Nhưng nếu vi phạm sẽ trở thành Critical)** |

**Bài 8**

**Hệ thống mua hàng Online**

**Yêu cầu Chức năng (Functional Requirements - F)**

| **STT** | **Yêu cầu Chức năng** | **Mô tả ngắn** |
| --- | --- | --- |
| **F1** | **Quản lý Giỏ hàng** | **Cho phép người dùng thêm, xóa, hoặc điều chỉnh số lượng sản phẩm trước khi thanh toán.** |
| **F2** | **Xử lý Thanh toán** | **Hỗ trợ nhiều phương thức thanh toán an toàn (thẻ, ví điện tử, COD) và gửi biên lai điện tử.** |
| **F3** | **Theo dõi Đơn hàng (Tracking)** | **Cung cấp trạng thái cập nhật theo thời gian thực về vị trí và tiến độ giao hàng.** |
| **F4** | **Tìm kiếm Nâng cao** | **Cho phép tìm kiếm sản phẩm bằng từ khóa và áp dụng các bộ lọc (giá, thương hiệu, đánh giá, v.v.).** |

**Yêu cầu Phi Chức năng (Non-Functional Requirements - NFR)**

| **STT** | **Yêu cầu Phi Chức năng** | **Mô tả ngắn** |
| --- | --- | --- |
| **NFR1** | **Bảo mật (Security)** | **Hệ thống phải mã hóa tất cả dữ liệu thanh toán (PCI DSS Compliant) và thông tin cá nhân của khách hàng.** |
| **NFR2** | **Hiệu năng (Performance)** | **Thời gian tải trang sản phẩm và xử lý giao dịch thanh toán phải dưới 3 giây ngay cả trong các đợt khuyến mãi lớn (peak load).** |
| **NFR3** | **Khả năng Sử dụng (Usability)** | **Quy trình thanh toán phải được hoàn thành trong tối đa 5 bước kể từ khi người dùng bấm "Mua hàng" từ giỏ hàng.** |

**Bài 9**

| **Mục Chính** | **Mục Phụ** | **Tên mục** | **Vai trò và Mô tả ngắn** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1.0** |  | **Giới thiệu (Introduction)** | **Thiết lập bối cảnh, mục đích của tài liệu và định nghĩa các thuật ngữ quan trọng.** |
|  | **1.1** | **Mục đích** | **Xác định mục tiêu của SRS và đối tượng đọc tài liệu.** |
|  | **1.2** | **Phạm vi sản phẩm** | **Định rõ các chức năng và giới hạn của hệ thống (ví dụ: chỉ xử lý đặt món, không bao gồm kho).** |
|  | **1.3** | **Thuật ngữ và Viết tắt** | **Giải thích các từ viết tắt chuyên ngành (ví dụ: POS, KDS, API) được sử dụng trong tài liệu.** |
| **2.0** |  | **Mô tả chung (Overall Description)** | **Mô tả tổng thể về hệ thống từ góc độ người dùng và môi trường hoạt động.** |
|  | **2.1** | **Góc nhìn sản phẩm** | **Đặt hệ thống vào ngữ cảnh tổng thể (tích hợp với POS, KDS) và xác định giao diện chính.** |
|  | **2.2** | **Chức năng sản phẩm** | **Tóm tắt các nhóm chức năng chính (ví dụ: đặt món, gọi nhân viên, thanh toán).** |
|  | **2.3** | **Đặc điểm người dùng** | **Mô tả các loại người dùng (Khách hàng, Bồi bàn, Đầu bếp, Quản lý) và vai trò của họ.** |
|  | **2.4** | **Ràng buộc** | **Liệt kê các yếu tố giới hạn (ví dụ: phải chạy trên nền tảng Android/iOS, phải dùng Wi-Fi nội bộ).** |
| **3.0** |  | **Yêu cầu cụ thể (Specific Requirements)** | **Trình bày chi tiết, đầy đủ các yêu cầu chức năng và phi chức năng.** |
|  | **3.1** | **Yêu cầu Chức năng** | **Liệt kê chi tiết các chức năng mà hệ thống phải thực hiện cho từng nhóm người dùng.** |
|  |  | **3.1.1. Chức năng Đặt món của Khách hàng** | **Ví dụ: Xem Menu có hình ảnh, thêm ghi chú/yêu cầu đặc biệt, xem hóa đơn tạm tính.** |
|  |  | **3.1.2. Chức năng Xử lý Đơn hàng (Bồi bàn/KDS)** | **Ví dụ: Nhận thông báo đơn hàng mới, cập nhật trạng thái món ăn (đang làm/hoàn thành), hủy món.** |
|  |  | **3.1.3. Chức năng Quản lý (Admin/Quản lý)** | **Ví dụ: Chỉnh sửa Menu, giá, khuyến mãi; xem báo cáo doanh thu theo bàn/thời gian.** |
|  | **3.2** | **Yêu cầu Phi Chức năng** | **Chi tiết hóa các tiêu chí chất lượng và thuộc tính hệ thống.** |
|  |  | **3.2.1. Hiệu năng** | **Ví dụ: Thời gian hiển thị Menu khi tải phải dưới 1 giây; xử lý giao dịch đặt món phải dưới 2 giây.** |
|  |  | **3.2.2. Bảo mật** | **Ví dụ: Bảo mật dữ liệu người dùng/thanh toán; cấp quyền truy cập theo vai trò.** |
|  |  | **3.2.3. Khả năng Sử dụng** | **Ví dụ: Giao diện Menu phải trực quan, dễ thao tác cho mọi lứa tuổi khách hàng.** |
|  | **3.3** | **Yêu cầu Giao diện** | **Mô tả giao diện người dùng, phần cứng và các giao diện phần mềm bên ngoài.** |
|  |  | **3.3.1. Giao diện Người dùng** | **Yêu cầu về thiết kế (màu sắc, font chữ), bố cục trên máy tính bảng/điện thoại.** |
|  |  | **3.3.2. Giao diện Phần mềm** | **Yêu cầu tích hợp với Hệ thống POS (Point of Sale) và KDS (Kitchen Display System).** |
| **4.0** |  | **Phụ lục (Appendices)** | **Cung cấp các thông tin hỗ trợ và danh sách ưu tiên yêu cầu.** |
|  | **4.1** | **Ma trận ưu tiên Yêu cầu** | **Bảng xếp hạng mức độ ưu tiên của các yêu cầu (High, Medium, Low).** |
|  | **4.2** | **Bảng Phụ lục khác** | **Các biểu đồ, sơ đồ luồng dữ liệu (DFD), hoặc mô hình nghiệp vụ.** |

**Bài 10**

**Báo Cáo Phân Tích Ban Đầu Hệ thống Quản lý Tuyển dụng (RMS)**

**I. Các Yếu tố Môi trường Hệ thống**

**Hệ thống Quản lý Tuyển dụng không hoạt động độc lập mà bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bên ngoài và bên trong tổ chức:**

| **Yếu tố Môi trường** | **Tác động và Ảnh hưởng đến RMS** |
| --- | --- |
| **1. Người dùng** | **Ứng viên: Cần giao diện dễ dùng để nộp hồ sơ và theo dõi trạng thái. Chuyên viên Tuyển dụng: Cần công cụ sàng lọc, giao tiếp và quản lý hồ sơ hiệu quả. Quản lý Tuyển dụng/Trưởng bộ phận: Cần báo cáo, phê duyệt và theo dõi tiến độ tổng thể.** |
| **2. Phần mềm/Hệ thống ngoài** | **RMS phải tích hợp với Website Tuyển dụng của công ty (để đăng tin) và Hệ thống HRIS/HCM (Human Capital Management) hiện có (để chuyển dữ liệu ứng viên đã được nhận).** |
| **3. Quy trình nghiệp vụ** | **Các quy trình xét duyệt nội bộ (ví dụ: quy trình phê duyệt vị trí, quy trình phỏng vấn nhiều vòng) phải được mô hình hóa chính xác trong hệ thống.** |
| **4. Luật lệ** | **Các quy định về bảo mật dữ liệu cá nhân (GDPR, CCPA hoặc tương đương), Luật Lao động và Luật Bình đẳng (chống phân biệt đối xử) ảnh hưởng đến cách dữ liệu được thu thập và lưu trữ.** |

**II. Phân tích Stakeholders (Các bên liên quan)**

| **Stakeholder** | **Vai trò chính** | **Mối quan tâm then chốt** | **Ưu tiên** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuyên viên Tuyển dụng** | **Người dùng cốt lõi, vận hành quy trình.** | **Hiệu suất sàng lọc hồ sơ, dễ dàng lên lịch phỏng vấn và gửi phản hồi tự động.** | **Critical** |
| **Trưởng Bộ phận/Quản lý** | **Người ra quyết định tuyển dụng, phê duyệt.** | **Khả năng theo dõi hiệu suất tuyển dụng (Time-to-Hire, Cost-per-Hire), phê duyệt hồ sơ/yêu cầu tuyển dụng nhanh chóng.** | **Major** |
| **Ban Lãnh đạo/Sponsor** | **Người cấp ngân sách, định hướng chiến lược.** | **Hiệu quả chi phí, mức độ thu hút nhân tài (Employer Branding), tính cạnh tranh của hệ thống.** | **Major** |
| **Ứng viên** | **Người dùng ngoài hệ thống.** | **Trải nghiệm ứng tuyển mượt mà, minh bạch về trạng thái hồ sơ, thông báo kịp thời.** | **Major** |
| **Phòng Công nghệ Thông tin (IT)** | **Đội ngũ triển khai và bảo trì kỹ thuật.** | **Bảo mật dữ liệu, khả năng mở rộng, tích hợp dễ dàng với hạ tầng hiện có.** | **Major** |

**III. Các Nguồn Yêu cầu (Elicitation Sources)**

**Để thu thập yêu cầu chính xác, nên sử dụng kết hợp các phương pháp sau:**

1. **Phỏng vấn: Phỏng vấn sâu với Chuyên viên Tuyển dụng và Trưởng Bộ phận để hiểu chi tiết các vấn đề hiện tại và quy trình mong muốn.**
2. **Phân tích Tài liệu: Xem xét các biểu mẫu tuyển dụng hiện có, quy trình phê duyệt giấy tờ, và hợp đồng với các kênh đăng tin để xác định yêu cầu nghiệp vụ cơ bản.**
3. **Quan sát: Quan sát cách Chuyên viên Tuyển dụng xử lý hồ sơ thủ công (email, Excel) để nhận diện các điểm tắc nghẽn cần tự động hóa.**
4. **Hệ thống hiện tại (AS-IS): Phân tích các phần mềm, công cụ mà phòng HR đang sử dụng (dù là Excel, Google Forms...) để xác định yêu cầu về di chuyển dữ liệu và các chức năng cần thay thế.**

**IV. Yêu cầu Chức năng và Phi Chức năng Tiêu biểu**

**1. Yêu cầu Chức năng (F)**

| **Yêu cầu** | **Mô tả** |
| --- | --- |
| **F1** | **Quản lý Hồ sơ Ứng viên: Cho phép tạo, lưu trữ, cập nhật và tìm kiếm hồ sơ ứng viên theo từ khóa và bộ lọc nâng cao.** |
| **F2** | **Quản lý Quy trình Tuyển dụng: Hỗ trợ định nghĩa và tùy chỉnh các bước của quy trình (Sàng lọc $\rightarrow$ Phỏng vấn $\rightarrow$ Thư mời) và tự động chuyển trạng thái.** |
| **F3** | **Tích hợp Email/Giao tiếp: Tự động hóa gửi các mẫu email xác nhận, mời phỏng vấn và từ chối đến ứng viên.** |
| **F4** | **Báo cáo Tuyển dụng: Cung cấp báo cáo về chỉ số hiệu suất chính (KPIs) như Thời gian tuyển dụng (Time-to-Hire) và Nguồn ứng viên hiệu quả nhất.** |

**2. Yêu cầu Phi Chức năng (NFR)**

| **Yêu cầu** | **Mô tả** |
| --- | --- |
| **NFR1** | **Bảo mật: Hệ thống phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc về bảo vệ dữ liệu cá nhân, với các mức độ truy cập được xác định rõ ràng (chỉ người liên quan mới thấy hồ sơ ứng viên).** |
| **NFR2** | **Hiệu năng: Thời gian tải và hiển thị danh sách 500 hồ sơ ứng viên phải dưới 5 giây.** |
| **NFR3** | **Khả năng Tích hợp: Hệ thống phải có API chuẩn để tích hợp dữ liệu ứng viên đã nhận vào hệ thống HRIS/HCM nội bộ.** |

**V. Gợi ý Cấu trúc Tài liệu Mô tả Yêu cầu (SRS)**

**Tài liệu SRS nên tuân thủ cấu trúc chuẩn, đảm bảo tính đầy đủ và rõ ràng:**

1. **Giới thiệu (Introduction): Mục đích, Phạm vi sản phẩm (RMS) và Thuật ngữ.**
2. **Mô tả Chung (Overall Description): Góc nhìn sản phẩm, Đặc điểm người dùng (HR, Quản lý, Ứng viên) và Các Ràng buộc (Pháp lý, Công nghệ).**
3. **Yêu cầu Cụ thể (Specific Requirements):**
   * **Yêu cầu Chức năng: Chi tiết hóa từng chức năng (theo Module: Quản lý Vị trí, Quản lý Ứng viên, Báo cáo).**
   * **Yêu cầu Phi Chức năng: Chi tiết hóa các yêu cầu về Bảo mật, Hiệu năng, Khả năng Sử dụng, và Khả năng Tích hợp.**
   * **Yêu cầu Giao diện: Yêu cầu về Giao diện Người dùng (Web/Mobile), Giao diện Phần mềm (API).**
4. **Phụ lục (Appendices): Bao gồm Ma trận Ưu tiên Yêu cầu và Sơ đồ Luồng Nghiệp vụ (Flowchart) hiện tại và tương lai.**